TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 11- 2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh;

Ông Trần Thanh Nhân.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2017/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 98/2017/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Võ Thị N,** sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, Huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Lâm Văn T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, Huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12/6/2017, bản tự khai ngày 28/8/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:*

Chị và anh Lâm Văn T chung sống với nhau từ năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, Huyện D, tỉnh Bến Tre. Quá trình sống chung có hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có lén lút quen với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, đi làm không đưa tiền lo cho vợ con, hay nhậu nhẹt và đánh đập vợ con, chị đã nhiều lần khuyên năn nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, chị về nhà mẹ ruột chị sinh sống tại xã C. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004, hiện con chung đang sống chung với chị, khi ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Lâm Văn T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

***** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là chưa thực hiện theo định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục gởi Thông báo thụ lý vụ án: Vụ án thụ lý ngày 03/8/2017 nhưng đến ngày 15/8/2017, Tòa án mới gởi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát là vi phạm quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: xét thấy 02 vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẩn, anh T biết chị N ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án giải quyết, xem như anh đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này, nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở.

Về con chung: Anh và chị có 01 con chung, hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại thời điểm giải quyết ly hôn con chung của anh chị đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị N. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004. Ghi nhận sự tự nguyện chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lâm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị N và anh Lâm Văn T cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, Huyện D, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được công nhận hợp pháp.

[3]. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh đối với Trưởng ấp D, xã E vào ngày 03/8/2017, biên bản xác minh đối với Trưởng ấp A, xã C vào ngày 03/8/2017 cũng như lời khai của chị N, xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị thường xuyên

mâu thuẩn, anh T lén lút quen người phụ nữ khác, không lo làm ăn, để lo cho gia đình vợ con, hay nhậu nhẹt và đánh đập vợ con, dù chị đã nhiều lần khuyên năn nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, nên anh và chị đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị N và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời anh T và chị N để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

- *Về con chung:*

[4]. Quá trình chung sống chị N và anh T có 01 con chung tên Lâm Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004. Hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Đối với cháu N tại thời điểm giải quyết ly hôn cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị N. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N, xét thấy từ trước đến nay cháu N đều sống với chị N, việc chị N nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, chị có công việc và thu nhập ổn định, nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh và chị, cần để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[7]. *Về tài sản chung:* Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Về nợ chung:* Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

[10]. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Lâm Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Lâm Ngọc N, sinh ngày 01/10/2004 cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị N nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005852 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Bến Tre. Như vậy chị Võ Thị N đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lâm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- UBND xã E (Số 81/2004);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…..……..…..- …… **Trần Thị Mỹ Duyên**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…….. - ……. Trần Thị Mỹ Duyên